|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |

# KẾ HOẠCH

**THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 523/QĐ-TTG NGÀY 01/4/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, PHÊ DUYỆT “CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050” TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG**

 *(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/ 2022 của UBND tỉnh)*

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Phê duyệt “Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”;

Căn cứ Quyết định số 3458/QĐ-BNN-TCLN ngày 03/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt “Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Kế hoạch thực hiện “Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, theo Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ, với những nội dung như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

**1. Mục đích**

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ, định hướng và giải pháp trong “Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” theo Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây viết tắt là Chiến lược); triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách cần ưu tiên thực hiện Chiến lược; xây dựng các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tổ chức thực hiện Chiến lược đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đồng bộ, kịp thời và thống nhất.

- Triển khai thực hiện hiệu quả, có chất lượng các nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược nhằm nâng cao công tác quản lý, điều hành; gắn kết giữa các Sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan trong việc triển khai thực hiện Chiến lược.

### 2. Yêu cầu

- Việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phải đảm bảo đầy đủ nội dung, cụ thể hóa các định hướng và giải pháp của Chiến lược, đảm bảo sự nhất quán với việc thực hiện các chương trình hành động thực hiện các nghị quyết của đảng, đề án và kế hoạch phát triển lâm nghiệp khác của địa phương.

- Trên cơ sở nội dung nhiệm vụ của kế hoạch hành động này, các Sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ cụ thể, chi tiết; đồng thời, tổ chức thực hiện hiệu quả các mục tiêu, định hướng và giải pháp của Chiến lược.

- Tổ chức kiểm tra, theo dõi, giám sát thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án thực hiện Chiến lược đảm bảo hiệu quả, thường xuyên; đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị, địa phương tổ chức sơ kết, tổng kết và đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp.

**II. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung**

Quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững, hiệu quả đối với toàn bộ diện tích rừng và đất được quy hoạch cho lâm nghiệp; thực hiện hiệu quả các dự án về bảo vệ môi trường sinh thái và đa dạng sinh học, góp phần giảm thiểu tác hại do thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, cung cấp quản lý chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với phát triển kinh tế, ổn định xã hội và bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái, góp phần tạo việc làm, thu nhập cho người làm nghề rừng.

**2. Mục tiêu cụ thể**

 **2.1. Giai đoạn 2021 đến 2030**

- Tập trung mọi nguồn lực để quản lý, bảo vệ tốt 196.285 ha rừng tự nhiên trên tổng diện tích rừng hiện còn là 247.763 ha; giảm thiểu đến mức thấp nhất các hành vi xâm hại tài nguyên rừng.

- Đến năm 2025, tổng diện tích rừng tăng so với đầu kỳ tối thiểu là 13.000 ha (gồm: Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên tối thiểu đạt 5.000 ha; trồng mới đạt khoảng 8.000 ha rừng); đến năm 2030, diện tích rừng tăng so với đầu kỳ năm 2025 tối thiểu là 13.000 ha.

- Đến năm 2025, tỉ lệ che phủ rừng của tỉnh đạt trên 40%; định hướng đến năm 2030, nâng tỉ lệ che phủ rừng của tỉnh đạt trên 42%.

- Phấn đấu đến năm 2030, giá trị xuất khẩu lâm sản tăng từ 1,5 - 2 lần so với năm 2020[[1]](#footnote-1); từng bước tiếp cận với thị trường thương mại carbon.

**2.2. Tầm nhìn đến năm 2050**

Đến năm 2050, ngành lâm nghiệp thực sự trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật hiệu lực, hiệu quả, có sức cạnh tranh cao; phát huy hiệu quả tiềm năng và lợi thế của tài nguyên rừng; tạo ra nhiều sản phẩm và dịch vụ đa dạng, giá trị gia tăng cao đóng góp ngày càng nhiều cho sự phát triển bền vững của tỉnh.

- Phát triển lâm nghiệp bền vững, phát huy hiệu quả tiềm năng và lợi thế của tài nguyên rừng, phấn đấu trở thành một trong những trung tâm sản xuất, chế biến với công nghệ hiện đại; đóng góp ngày càng tăng cao vào phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

- Góp phần quan trọng vào xây dựng đất nước Việt Nam an toàn và thịnh vượng; nông thôn mới giàu, đẹp và văn minh trên cơ sở cải thiện sinh kế, phát triển kinh tế xanh gắn với tài nguyên rừng, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống và không gian sinh tồn của đồng bào các dân tộc thiểu số; bảo đảm giữ vững quốc phòng, an ninh.

- Quản lý bền vững rừng, bảo tồn lâu dài tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học; bảo đảm an ninh môi trường, an ninh nguồn nước, chống suy thoái đất đai, giảm thiểu tác động tiêu cực của thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, cung ứng dịch vụ môi trường rừng; tham gia tích cực, có trách nhiệm và thực hiện đầy đủ các cam kết đã ký kết tham gia.

### II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. **Tổ chức tuyên truyền, phổ biến triển khai thực hiện kế hoạch**

Các Sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan chủ động triển khai quán triệt, tuyên truyền, phổ biến các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Kế hoạch Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã, mọi tầng lớp nhân dân có liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp. Tạo sự chuyển biến rõ nét về nhận thức, trách nhiệm và hành động trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, góp phần giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

**2. Tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách đã ban hành; rà soát, đề nghị điều chỉnh, bổ sung, xây dựng mới các chính sách**

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách hiện hành; Luật Lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp năm 2017.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, đề xuất sửa đổi, bổ sung và ban hành chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư đặc thù: Chính sách ỗ trợ lực lượng quản lý, bảo vệ rừng nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác bảo vệ rừng; chính sách đầu tư, hỗ trợ trồng rừng bằng cây Mắc ca; chính sách hỗ trợ, đầu tư để phát triển rừng bằng phương thức trồng nông lâm kết hợp; chính sách, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, có tiềm lực đầu tư vào lĩnh vực lâm nghiệp, trong đó ưu tiên cho thuê dịch vụ môi trường rừng gắn với phát triển du lịch sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học… tại Vườn quốc gia Tà Đùng, Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung, Công viên địa chất toàn cầu UNESCO - Đắk Nông,...

**3. Triển khai thực hiện quy hoạch lâm nghiệp quốc gia; chương trình, đề án, phương án, dự án, kế hoạch phát triển lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh**

a) Quy hoạch lâm nghiệp:

- Rà soát, cung cấp quy hoạch lâm nghiệp tỉnh Đắk Nông để tích hợp, xây dựng, triển khai hiệu quả quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch rừng để thiết lập lâm phần ổn định, phù hợp với các mục tiêu, nội dung định hướng trong Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển lâm Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Triển khai Tiểu Dự án Phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

c) Xây dựng, triển khai hiệu quả Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025; giai đoạn 2026-2030.

d) Xây dựng, triển khai: Dự án bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025; Dự án nâng cao năng lực cho lực lượng Kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2021-2030.

e) Tiếp tục triển khai hiệu quả các chương trình, đề án, phương án về lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt như: Đề án phát triển rừng tự nhiên gắn với phát triển kinh tế -xã hội, ổn định dân cư giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Đề án phát triển rừng bền vững bằng phương thức nông lâm kết hợp và trồng cây phân tán giai đoạn 2021-2025; Đề án nâng cao tỉ lệ che phủ rừng giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

f) Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 15-CTr/TU ngày 13/6/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng *(Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 13/9/2017)*; Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 297/QĐ-TTg ngày 18/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững vùng Tây Nguyên giai đoạn 2016-2030 *(Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 02/7/2019)*; Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025” của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông *(Kế hoạch số 464/QĐ-UBND ngày 14/7/2021)*; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 19/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về quản lý, bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững; nâng cao tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 *(Kế hoạch số 267/KH-UBND ngày 24/5/2022)*;

g) Đầu tư hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm phục vụ cho công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; thường xuyên tổ chức tập huấn nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng cho các ngành, địa phương và các chủ rừng.

### 4. Tổ chức triển khai hiệu quả các hoạt động sản xuất lâm nghiệp

Tổ chức triển khai hiệu quả các hoạt động sản xuất lâm nghiệp theo chuỗi: Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng; phát triển rừng; sử dụng rừng; chế biến, thương mại lâm sản, cụ thể:

a) Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng

- Quản lý, bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng hiện có; phục hồi và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên để bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng và cung cấp các dịch vụ môi trường rừng, trong đó: đối với rừng đặc dụng đảm bảo hài hòa giữa bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ động vật, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên chú trọng công tác bảo vệ rừng, phát triển dịch vụ môi trường rừng và các mô hình phát triển lâm sản ngoài gỗ, nông lâm kết hợp; thực hiện các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng; nâng tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2030 đạt trên 42% .

- Hạn chế tối đa chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích ngoài lâm nghiệp; hoàn thành việc giao đất, giao rừng, cho thuê rừng gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, bảo đảm tất cả diện tích rừng và đất được quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp phải được giao, cho thuê rừng; đảm bảo đủ các điều kiện để tổ chức quản lý bảo vệ rừng và phát triển bền vững tài nguyên rừng.

- Đẩy mạnh gắn kết giữa bảo tồn và phát triển với sự tham gia tích cực của các bên liên quan trong quản lý rừng như: Xây dựng các mô hình gắn kết cộng đồng địa phương tham gia và chia sẻ lợi ích công bằng vào công tác quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ nhằm giảm xung đột và nâng cao hiệu quả quản lý; quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng; có hướng dẫn riêng cho các nhóm đối tượng khác nhau như: Cá nhân, hộ gia đình, nhóm hộ, cộng đồng...; tăng cường nâng cao năng lực cho các bên liên quan về quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng.

- Tăng cường năng lực quản trị rừng cho các chủ rừng thông qua việc thiết lập hệ thống giám sát và đánh giá tài nguyên rừng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý (GIS), công nghệ thông tin trong quản lý lĩnh vực lâm nghiệp; điều tra, đánh giá tài nguyên rừng; phát triển lâm nghiệp cộng đồng, gắn với bản sắc văn hóa truyền thống, lấy người dân làm trung tâm. Nâng cao năng lực để các chủ rừng quản lý, bảo vệ và phát triển rừng hiệu quả, đến năm 2030, 100% các chủ rừng là tổ chức có đủ năng lực theo dõi, giám sát, quản lý tài nguyên rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

b) Phát triển rừng

- Phục hồi rừng tự nhiên bằng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh phù hợp, như: Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung, nuôi dưỡng và làm giàu rừng… nhằm đạt chỉ tiêu kế hoạch của Nghị quyết số 06-NQ/TU đề ra (khoảng 5.000 ha).

- Đẩy mạnh nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng lâm nghiệp, ưu tiên phát triển giống được sản xuất từ nuôi cấy mô, hom để trồng rừng sản xuất; phấn đấu tỷ lệ cây giống lâm nghiệp cung cấp cho trồng rừng được kiểm soát nguồn gốc giống đạt trên 95%.

 - Trồng rừng tập trung:

+ Xác định quỹ đất chưa có rừng quy hoạch lâm nghiệp, thu hút đầu tư phát triển rừng, chú trọng trồng rừng các loài cây gỗ lớn vừa có giá trị phòng hộ, vừa có giá trị kinh tế cao (Đàn hương, Sưa đỏ, Sao đen, Dầu rái, Muồng đen, Gáo vàng (Thiên Ngân), Mắc ca, Giổi nếp,...) gắn với công nghiệp chế biến, kết nối thị trường tiêu thụ. Hàng năm, trên cơ sở quỹ đất trồng rừng hiện có, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh giao chỉ tiêu cụ thể đến từng huyện, thành phố Gia Nghĩa (đến các đơn vị chủ rừng) để triển khai thực hiện, nhằm đạt chỉ tiêu kế hoạch của Nghị quyết số 06-NQ/TU đề ra (khoảng 8.000 ha).

+ Phát triển hài hòa rừng trồng nguyên liệu gỗ nhỏ với rừng trồng gỗ lớn; có chính sách, kế hoạch, giải pháp khuyến khích các chủ rừng từng bước thực hiện chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn.

+ Triển khai có hiệu quả Đề án phát triển rừng tự nhiên gắn với phát triển kinh tế -xã hội, ổn định dân cư giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; thực hiện Kế hoạch số 464/KH-UBND ngày 14/7/2021 của UBND tỉnh triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

- Nông lâm kết hợp:

+ Xây dựng cơ chế khuyến khích cộng đồng, người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị -xã hội triển khai mô hình nông lâm kết hợp với những loài cây lâm nghiệp, cây đa mục đích nhằm bảo vệ môi trường sinh thái, góp phần nâng cao tỉ lệ che phủ rừng.

+ Phát triển rừng bền vững bằng phương thức nông lâm kết hợp trên đối tượng đất lâm nghiệp bị lấn, chiếm theo Đề án được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2250/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 theo cơ chế liên doanh, liên kết, thuê đất, khoán nhằm góp phần nâng cao tỉ lệ che phủ rừng, bảo đảm mục tiêu ổn định dân cư, an sinh xã hội, sinh kế của người dân, an ninh chính trị, vừa bảo đảm mục tiêu kinh tế -xã hội và môi trường với những loài cây lâm nghiệp, cây đa mục đích, ưu tiên loài cây có giá trị kinh tế cao.

- Trồng cây phân tán: Xây dựng cơ chế khuyến khích cộng đồng, người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị -xã hội triển khai trồng cây phân tán (tại khu vực công sở, trường học, hội trường sinh hoạt thôn, bon, hành lang đường giao thông, khu vực cảnh quan, vườn nhà, bờ vùng, bờ thửa, trên nương rẫy, những khoảng trống trong thôn bản, cánh đồng, ven sông, bãi thải, đất chưa sử dụng khác,...) với những loài cây có giá trị kinh tế, văn hóa, cây quý hiếm, cây tạo cảnh quan, bóng mát nhằm bảo vệ môi trường sinh thái, góp phần nâng cao tỉ lệ che phủ rừng, gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng: Chuyển dịch cơ cấu cây trồng trong sản xuất nông nghiệp bằng các loài cây đa mục đích (Điều, Mắc ca, Cao su), cây ăn quả, cây công nghiệp có tán che lớngiá trị kinh tế cao (Mít, Bơ, Sầu riêng, Bưởi, Măng cụt, Chôm chôm,...), nhằm nâng cao tỉ lệ che phủ rừng, phát triển kinh tế bền vững; trong đó, ưu tiên phát triển vùng trồng cây Mắc ca chuyên canh tại các địa phương có điều kiện phù hợp. Khuyến khích người dân đa dạng hóa cây trồng trên những diện tích độc canh, canh tác nông nghiệp nơi xa nguồn nước...

- Xây dựng chính sách hỗ trợ giống cây đặc sản để thu hút các thành phần kinh tế tham gia phát triển rừng, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng gắn với phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững.

c) Sử dụng rừng

- Tiếp tục thực hiện chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên đến năm 2030, không khai thác gỗ từ rừng tự nhiên; có cơ chế, chính sách để hạn chế khai thác sử dụng gỗ non từ rừng trồng còn ít tuổi, đang trong thời kỳ sinh trưởng mạnh, khuyến khích trồng rừng gỗ lớn cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

- Phát huy tối đa các dịch vụ lâm nghiệp, dịch vụ môi trường rừng để tạo nguồn thu, tái đầu tư cho phát triển lâm nghiệp; đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái; khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư, quản lý, khai thác, sử dụng rừng bền vững, chế biến các sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ bằng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường.

- Sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học, các nguồn gen, loại sinh vật và hệ sinh thái rừng; đẩy mạnh gây trồng, sử dụng lâm sản ngoài gỗ, tập trung vào nhóm sản phẩm có thế mạnh, có giá trị kinh tế trên cơ sở phát huy lợi thế của các vùng miền như mây tre, dược liệu,... Có cơ chế, chính sách để chủ rừng được quản lý, khai thác, phát triển và sử dụng bền vững lâm sản ngoài gỗ.

- Tiếp tục xây dựng và tổ chức quản lý rừng theo Phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

d) Đẩy mạnh hoạt động chế biến gỗ, lâm sản ngoài gỗ, hình thành ngành kinh tế lâm nghiệp bền vững

- Hình thành và phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng có diện tích ổn định và bền vững phục vụ chế biến; ưu tiên các nhà máy chế biến gỗ làm đầu mốiđể liên kết với các tổ chức, hộ gia đình đầu tư sản xuất, tiêu thụ nguyên liệu gỗ rừng trồng.

- Khuyến khích, tạo điều kiện để các doanh nghiệp liên kết, hợp tác để phát triển vùng nguyên liệu, tạo chuỗi giá trị bền vững; góp phần nâng cao thu

nhập cho người làm nghề rừng và thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030.

### 5. Bố trí, huy động các nguồn lực đầu tư phát triển ngành lâm nghiệp

Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện Chiến lược, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo quy định, gồm:

- Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn thực hiện Chương trình với các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của pháp luật về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình, dự án liên quan đến công tác bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn nhằm huy động tối đa các nguồn vốn để thực hiện hiệu quả các Chương trình.

- Tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương (nguồn kinh phí sự nghiệp, đầu tư phát triển), các tổ chức quốc tế và sự hỗ trợ của Ngân sách tỉnh thông qua các chương trình, kế hoạch: Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam gian đoạn 2021‑2030, tầm nhìn đến 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021; Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021‑2025 được Chính phủ phê duyệt chủ trương tại Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 05/8/2021 và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022; Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt tại Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Huy động nguồn lực, lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án trên địa bàn tỉnh như: Đề án phát triển rừng bền vững bằng phương thức nông lâm kết hợp và trồng cây phân tán, giai đoạn 2021 - 2025; Đề án phát triển rừng tự nhiên gắn với phát triển kinh tế - xã hội, ổn định dân cư giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Đề án nâng cao tỉ lệ che phủ rừng giai đoạn 2021- 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Tăng nguồn thu từ chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng trên địa bàn tỉnh, nhanh chóng tiếp cận và tham gia thị trường carbon nhằm huy động tối đa nguồn thu từ các dịch vụ có liên quan đến rừng, để tái đầu tư cho công tác bảo vệ và phát triển rừng “lấy rừng nuôi rừng”, giảm áp lực từ nguồn ngân sách.

- Huy động tối đa nguồn vốn từ các doanh nghiệp, liên doanh, liên kết của các nhà máy chế biến, các thành phần kinh tế và vay tín dụng, vốn tự có của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để thực hiện.

### 6. Xây dựng kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đồng bộ, hiện đại hóa ngành lâm nghiệp

a) Xây dựng kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo vệ và phát triển rừng, như: Xây dựng trạm bảo vệ rừng; biển báo, biển cảnh báo, cọc mốc ranh giới khu rừng; xây dựng công trình phòng, trừ sinh vật gây hại rừng, cứu hộ, bảo vệ, phát triển động vật rừng, thực vật rừng; duy tu, bảo dưỡng và nâng cấp các tuyến đường tuần tra quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng kết hợp phát triển du lịch sinh thái.

### - Tăng cường nâng cao năng lực, cơ sở vật chất cho việc theo dõi, giám sát tài nguyên rừng; trang thiết bị và các công trình phòng cháy, chữa cháy rừng.

### - Thu hút đầu tư phát triển hạ tầng logistics, kho bãi phục vụ phát triển sản xuất, bảo quản và chế biến lâm sản, khoa học công nghệ và khuyến lâm: Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ.

### 7. Tổ chức sản xuất kinh doanh, tăng cường năng lực trong công tác quản lý, đào tạo nguồn nhân lực:

### - Tiếp tục kiện toàn tổ chức, sắp xếp tinh gọn bộ máy cơ quan hành chính, chuyển đổi mô hình đơn vị quản lý cho phù hợp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả; điều động, tăng cường lực lượng kiểm lâm đến các địa phương còn điểm nóng về phá rừng, lấn, chiếm đất lâm nghiệp; gắn trách nhiệm của kiểm lâm địa bàn với từng đơn vị chủ rừng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, siết chặt kỷ luật, kỷ cương và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm;

### - Tiếp tục hoàn thành công tác sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị khóa XI về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp; Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ; Kết luận số 82-KL/TW ngày 29/7/2020 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị khóa XI về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;

### - Rà soát, bổ sung biên chế, xây dựng lực lượng Kiểm lâm đủ mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, chuyên nghiệp; nâng cao năng lực, kỹ năng cho lực lượng kiểm lâm, lực lượng bảo vệ rừng và chủ rừng đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng; có đủ trình độ tiếp cận, ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại.

- Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp và các tổ chức đào tạo thực hiện hợp tác và hỗ trợ trong đào tạo, nâng cao kỹ năng cho lao động của doanh nghiệp.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**1. Trách nhiệm của các cơ quan**

**1.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều hành, tổ chức thực hiện kế hoạch Chiến lược tại địa phương và phân cấp trách nhiệm cụ thể cho các ngành, các cấp thực hiện Kế hoạch Chiến lược phù hợp với điều kiện của địa phương;

- Chủ trì, phối hợp triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển lâm nghiệp của Trung ương và tỉnh đã ban hành; xây dựng, thực hiện các chương trình, đề án, dự án trọng điểm phát triển lâm nghiệp phù hợp với đặc điểm và thế mạnh của từng địa phương. Đồng thời nghiên cứu đề xuất ban hành một số cơ chế chính sách của tỉnh để đẩy mạnh thực hiện và nâng cao hiệu quả kế hoạch phát triển lâm nghiệp của tỉnh giai đoạn 2021-2030.

- Chủ trì, phối hợp triển khai công tác thu thập, tổng hợp báo cáo các chỉ số; thực hiện hiệu quả công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược trên địa bàn. Định kỳ tổng hợp kết quả giám sát và đánh giá thực hiện Chiến lược, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Thường xuyên đôn đốc, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch, đề xuất những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện Kế hoạch, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh. Trường hợp các chính sách, định hướng, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Trung ương, của tỉnh có thay đổi, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng kế hoạch điều chỉnh hoặc thay thế cho phù hợp với từng thời kỳ.

### 1.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư công trung hạn, hằng năm để thực hiện Kế hoạch này.

- Tham mưu thực hiện tổ chức xúc tiến, kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia đầu tư vào lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

### 1.3. Sở Tài chính

- Hướng dẫn quản lý, sử dụng nguồn ngân sách để triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch; tham mưu, đề xuất phân bổ nguồn kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển lâm nghiệp của tỉnh và chính sách của Trung ương kịp thời, đảm bảo quy định.

- Căn cứ điều kiện ngân sách hằng năm tham mưu, đề xuất cấp thẩm quyền ưu tiên bố trí nguồn kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động của hệ thống quản lý ngành lâm nghiệp của tỉnh trong năm Kế hoạch phù hợp, đảm bảo quy định hiện hành.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành, địa phương có liên quan rà soát trình cấp có thẩm quyền xem xét ban hành quy định (nếu có) về các cơ chế, chính sách tài chính phù hợp, đúng quy định để đảm bảo thực hiện Kế hoạch.

**1.4. Sở Tài nguyên và môi trường**: Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh giao đất gắn với giao rừng, cho thuê đất gắn với thuê rừng; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các công ty lâm nghiệp, tổ chức, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thuê đất để trồng rừng, bảo đảm diện tích rừng và đất được quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp phải được giao, cho thuê đến những chủ rừng thực sự.

**1.5. Sở Công Thương**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành xây dựng và triển khai các chính sách, giải pháp về phát triển công nghiệp chế biến lâm sản, xúc tiến thương mại quảng bá sản phẩm, tìm kiếm mở rộng thị trường xuất khẩu sản phẩm chế biến từ lâm sản nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân sản xuất, kinh doanh lâm sản phù hợp với từng thời kỳ và quy định hiện hành; phối hợp chặt chẽ với Hiệp hội gỗ và lâm sản trên địa bàn tỉnh để nắm bắt tình hình dự báo về thông tin thị trường lâm sản. Đồng thời, hỗ trợ doanh nghiệp lĩnh vực lâm nghiệp thực hiện các mô hình liên kết chuỗi giá trị sản phẩm trong sản xuất, phân phối nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm, năng suất lao động, phát triển bền vững và hội nhập kinh tế quốc tế.

**1.6. Các Sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp có liên quan**: Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, các địa phương thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh.

### 1.7. UBND huyện, thị xã, thành phố

### - Ban hành kế hoạch hành động, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch Chiến lược tại địa phương; thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển rừng tại địa phương; xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện giao rừng, cho thuê rừng; đo đạc, cắm mốc ranh giới, lập hồ sơ quản lý và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư theo quy định pháp luật về đất đai và pháp luật về lâm nghiệp.

- Chỉ đạo các ban, ngành liên quan của huyện, UBND cấp xã triển khai thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch sản xuất lâm nghiệp và công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn. Cân đối nguồn ngân sách địa phương, bố trí, lồng ghép các nguồn vốn khác để triển khai, hỗ trợ các chương trình, dự án, mô hình trong lĩnh vực lâm nghiệp; Nghiên cứu, xây dựng ban hành cơ chế chính sách huy động nguồn lực của địa phương và vốn ngoài ngân sách phù hợp điều kiện của địa phương để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của Kế hoạch; thực hiện lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác có cùng nội dung, nhiệm vụ với Kế hoạch. Chỉ đạo tổ chức, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch trên địa bàn; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định về Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

**1.8. Các chủ rừng (các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng; các Công ty Lâm nghiệp; các doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng): q**uản lý, bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên hiện có; xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả các kế hoạch về phục hồi rừng tự nhiên bằng các biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung, nuôi dưỡng và làm giàu rừng; Trồng rừng, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả rừng trồng sản xuất theo hướng tối ưu hóa hệ thống sản xuất và chuỗi giá trị lâm sản thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ; phát triển nông lâm kết hợp, các loài cây trồng rừng đa mục đích, lâm sản ngoài gỗ; quản lý sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học, các nguồn gen, loại sinh vật và hệ sinh thái rừng; tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty lâm nghiệp; phát triển lâm nghiệp hộ gia đình, trang trại, cộng đồng thôn bản và hợp tác xã; đẩy mạnh cơ giới hóa, tự động hóa đồng bộ tại các vùng sản xuất lâm nghiệp hàng hóa tập trung trong các khâu làm đất, giống, trồng cây, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, phòng chống cháy rừng, khai thác, vận chuyển gỗ rừng trồng…

### 1.9. Các doanh nghiệp, các tổ chức hoạt động lĩnh vực chế biến lâm sản ngoài gỗ; lĩnh vực công nghiệp: Đầu tư, hoàn thiện kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đáp ứng nhu cầu áp dụng máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất lâm nghiệp; phát triển sản xuất, chế biến sâu các sản phẩm lâm sản ngoài gỗ có giá trị, thế mạnh của từng vùng; áp dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, chế biến sâu, tiết kiệm nguyên liệu; khuyến khích phát triển các vật liệu mới thay thế gỗ, kết hợp gỗ nhựa, gỗ kim loại.

**2. Chế độ báo cáo**: Định kỳ đánh giá hàng năm (trước ngày 15/12), sơ kết 5 năm, tổng kết 10 năm các cơ quan, đơn vị báo cáo kết quả thực hiện Chiến lược và đề xuất các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình triển khai, thực hiện Kế hoạch gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt “Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ngành, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện đạt hiệu quả. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂNKT. CHỦ TỊCHPHÓ CHỦ TỊCH****Lê Trọng Yên** |

1. Báo cáo số 25/BC-SCT ngày 22/01/2021 của Sở Công Thương, về tình hình xuất - nhập khẩu tháng 12 năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, tổng giá trị xuất khẩu lâm sản 10 triệu USD. [↑](#footnote-ref-1)